

TRƯỜNG THCS CHI LĂNG

TỔ NGŨ VĂN

NỘI DUNG BÀI HỌC TRỰC TUYẾN

(Tuần 13 từ 29/11 đến 3/12)

KHỐI 6

VIẾT

KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA BẢN THÂN

I. TÌM HIỂU TRI THỨC VỀ KIỂU VĂN BẢN VÀ PHÂN TÍCH KIỂU VĂN BẢN

1. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

PHT số 1

Đặc điểm kiểu bài Kể lại trải nghiệm của bản thân	Bài học đường đời đầu tiên
Ngôi kể	Thứ nhất
Các sự kiện được sắp xếp theo trình tự	Thời gian
Phương thức biểu đạt	Kể kết hợp với tả, biểu cảm
Bài học rút ra	Không nên ngông cuồng, hống hách

2. Phân tích kiểu văn bản

- Câu chuyện sử dụng ngôi kể thứ nhất.
- Những sự việc chính:
 - + Làng tôi có con sông êm đềm chảy qua làng, chúng tôi thường rủ nhau tắm sông.

- + Buổi trưa hôm ấy, sau khi đá bóng, đám trẻ rủ nhau ra sông tắm và nảy ra ý định tổ chức cuộc thi bơi giữa đám trẻ trong và ngoài làng.
 - + Tôi nhận lời thách đấu, đã bơi nhanh và khi nhận ra đã bơi khá xa bờ.
 - + Bỗng bắp chân bị chuột rút và đau đớn, tôi sợ hãi tột độ.
 - + Một người làng đi câu cá gần đấy đã nghe tiếng kêu, nhanh chóng bơi ra và đưa tôi vào bờ.
 - + Tôi rút ra bài học chỉ nên bơi lội ở nơi an toàn, có sự giám sát của người lớn.
- Một số chi tiết có sử dụng yếu tố miêu tả:
- + Vào mùa hè, nước sông thường cạn nên chúng tôi tung tăng bơi lội, trêu đùa rộn rã cả một góc sông.
 - + Trận đấu diễn ra vô cùng căng thẳng, gay cấn, quyết liệt.
- Việc sử dụng yếu tố miêu tả giúp cho bài văn thêm sinh động, hấp dẫn, cuốn hút người đọc.
- Nhân vật “tôi” đã nhận ra sau trải nghiệm ấy là bài học sâu sắc, cần nghe lời người lớn và chỉ nên bơi lội ở nơi an toàn, có sự giám sát của người lớn.
 - Em rút ra được một số kinh nghiệm khi kể lại một trải nghiệm của bản thân:
 - + Dùng ngôi thứ nhất để kể.
 - + Kết hợp kể và miêu tả.
 - + Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lí.
 - + Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân.
 - + Bài văn phải đảm bảo bố cục 3 phần.

II. HƯỚNG DẪN VIẾT THEO QUY TRÌNH

1. Viết theo quy trình

Đề bài: *Viết một bài văn khoảng 400 chữ kể về trải nghiệm của bản thân.*

• Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Đề tài bài viết của em là...
- Mục đích viết bài này của em là...
- Người đọc bài viết này của em là...

- Câu chuyện em chọn là...

- **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý (PHT số 3, 4 bên dưới)**

- **Bước 3: Viết bài**

- Dựa vào dàn ý viết thành một bài văn hoàn chỉnh

- Cần đảm bảo đặc điểm của kiểu bài kể lại một trải nghiệm

- **Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm (bảng kiểm bên dưới)**

Để kiểm tra và tự đánh giá bài viết vừa hoàn thành, em có thể dựa vào bảng kiểm dưới đây:

PHT số 3

Phiếu ghi chép: Câu chuyện về trải nghiệm của tôi

Tôi muốn kể câu chuyện gì? Kể cho ai nghe?

.....
.....
.....

Chuyện xảy ra ở đâu, khi nào?

.....
.....
.....

Những sự kiện gì mà tôi còn nhớ?

.....
.....
.....
.....
.....
.....

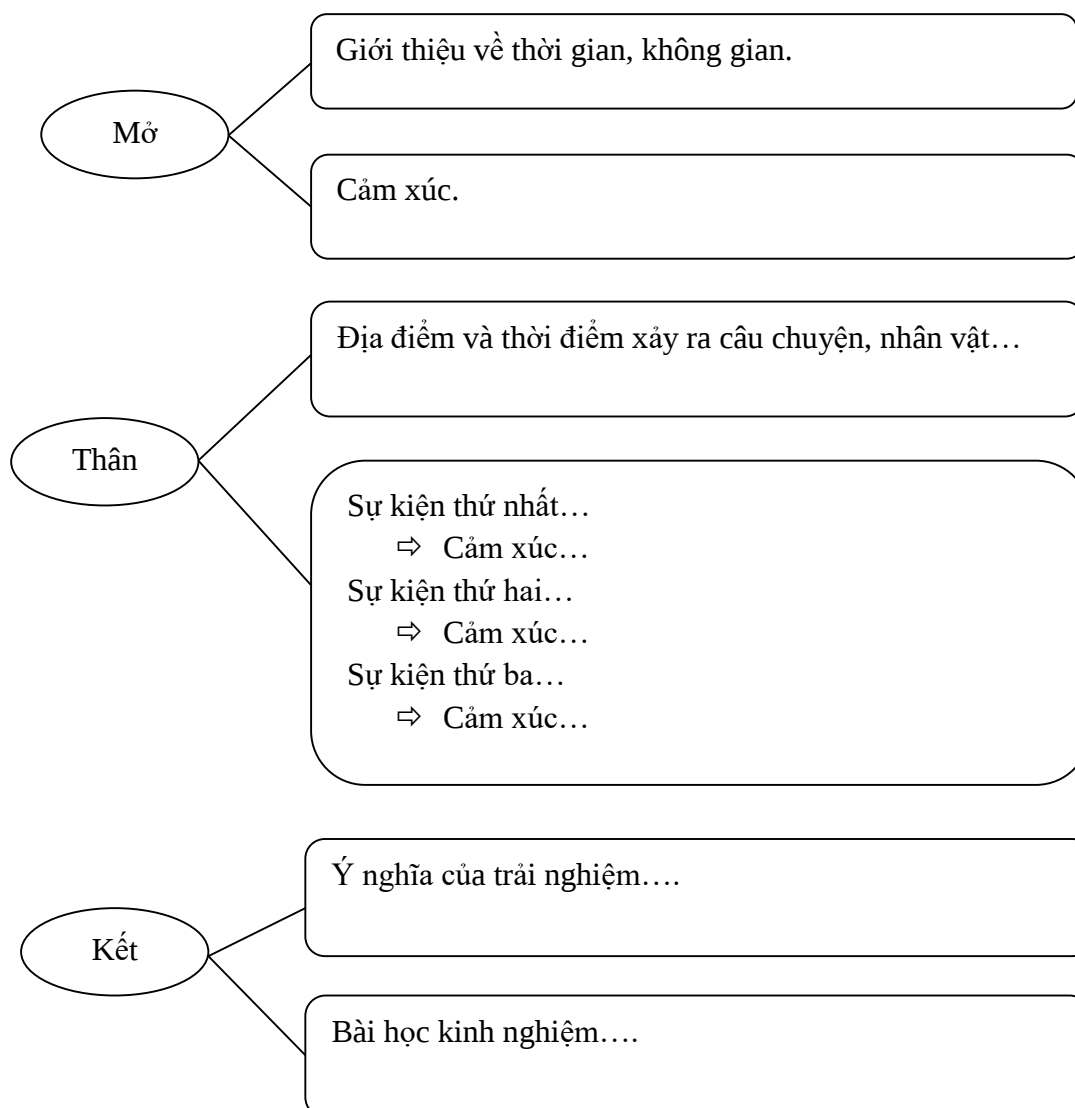
Cảm xúc, suy nghĩ của tôi lúc đó như thế nào?

.....
.....
.....

Sự việc đã xảy ra có ý nghĩa gì với tôi?

.....
.....
.....

PHT SỐ 4: SƠ ĐỒ DÀN Ý



Bảng kiểm

Bảng kiểm bài viết kể lại trải nghiệm của bản thân

Các phần của bài viết	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Mở bài	Dùng ngôi thứ nhất để kể.	
	Giới thiệu sơ lược về trải nghiệm.	
	Dẫn dắt chuyển ý, gợi sự tò mò, hấp dẫn với người đọc.	

Thân bài	Trình bày chi tiết về thời gian, không gian, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.	
	Trình bày chi tiết những nhân vật liên quan.	
	Trình bày các sự việc theo trình tự rõ ràng, hợp lí.	
	Kết hợp kể và tả.	
	Sự việc này nối tiếp sự việc kia một cách hợp lí.	
Kết bài	Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân.	

NÓI – NGHE

KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA BẢN THÂN

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ						
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<u>Yêu cầu cần đạt:</u> - Kể được trải nghiệm của bản thân - Hình thức, bố cục đúng kiểu văn bản tự sự <u>Hoạt động:</u> Thực hành nói và nghe - HS tiến hành các bước sau: + Bước 1: <i>Đề tài của em là gì? Em dự định sẽ nói ở đâu và trong thời gian bao lâu?</i> + Bước 2: <i>Em hãy lập dàn ý của bài nói trên cơ sở của bài viết?</i> + Bước 3: <i>Khi luyện tập, trình bày, cần lưu ý những gì?</i> + Bước 4: <i>Dùng bảng kiểm để góp ý cho bạn và đánh giá bài của mình.</i> Bảng kiểm kĩ năng kể lại một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 80%;">Nội dung kiểm tra</th><th style="width: 20%;">Đạt/ Chưa đạt</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Bài trình bày có đủ 3 phần: giới thiệu, nội dung và kết thúc.</td><td></td></tr> <tr> <td>Câu chuyện kể về trải nghiệm của người nói.</td><td></td></tr> </tbody> </table>	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt	Bài trình bày có đủ 3 phần: giới thiệu, nội dung và kết thúc.		Câu chuyện kể về trải nghiệm của người nói.	
Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt						
Bài trình bày có đủ 3 phần: giới thiệu, nội dung và kết thúc.							
Câu chuyện kể về trải nghiệm của người nói.							

	Câu chuyện được giới thiệu rõ ràng về nhân vật không gian, thời gian.	
	Câu chuyện được kể theo ngôi thứ nhất.	
	Các sự việc được kể theo trình tự hợp lí.	
	Kết hợp kể và tả khi kể.	
	Trình bày suy nghĩ/ bài học rút ra từ câu chuyện.	
	Giọng kể to, rõ, mạch lạc, thể hiện cảm xúc phù hợp với nội dung câu chuyện.	
	Người nói tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng kể, nét mặt, cử chỉ hợp lí.	
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	- Viết bài văn (khoảng 400 chữ) kể lại một trải nghiệm của bản thân - Sau đó, hãy luyện trình bày bài viết đã chuẩn bị - Quay lại đoạn videoclip bản thân đã thực hiện và đăng lên diễn đàn chung của lớp	

B. Thắc mắc của học sinh

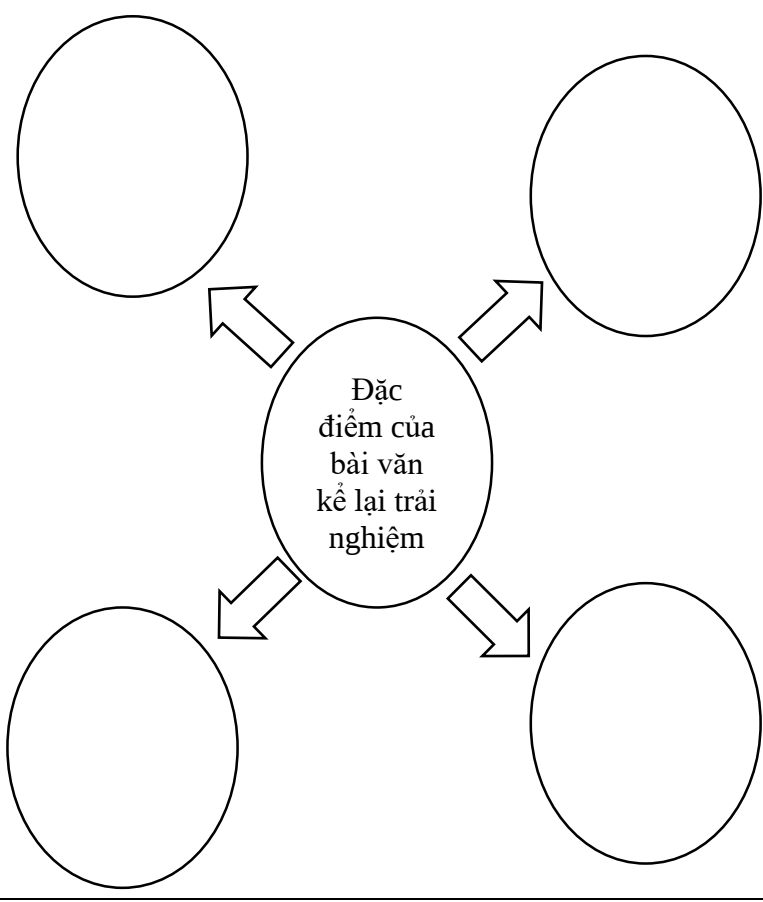
MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

ÔN TẬP

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<u>Yêu cầu cần đạt:</u> - Củng cố lại các kiến thức về các văn bản đã học <u>Hoạt động:</u> - HS trả lời các câu hỏi sau (làm vào vở): Câu 1: Các văn bản “<i>Bài học đường đời đầu tiên, Giọt sương đêm, Vừa nhắm mắt vừa mở cửa, Cô gió mát tên</i>” thuộc chủ đề nào? Câu 2: Cụm từ “<i>Những ngôi sao xa xôi</i>” thuộc về loại cụm từ nào? Câu 3: Trong mắt Dế Mèn, ngoại hình Dế Choắt hiện lên như thế nào? Câu 4: Nhân vật trong truyện đồng thoại phản ánh đặc điểm của những đối tượng nào? Câu 5: Trước khi chết, Dế Choắt khuyên Dế Mèn điều gì? Câu 6: Trong truyện <i>Giọt sương đêm</i>, Cánh Cứng làm nghề gì? Câu 7: Ai đã thông báo cho cụ giáo Cóc về sự xuất hiện của Bộ Dừa? Câu 8: Trong truyện <i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ</i>, cái gì được ví là người đưa đường? Câu 9: Trong truyện <i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ</i>, nhân vật “tôi” lúc mới tập đoán hoa bằng cách sờ lên chúng, đã đoán đúng loài hoa nào?

	Câu 10: Tác giả của truyện <i>Cô gió mất tên</i> ?								
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	Câu 1: Dựa vào bảng sau, hãy tóm tắt nội dung của ba văn bản (kể vào vở):								
	<table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="491 365 940 427">Văn bản</th><th data-bbox="940 365 1386 427">Nội dung chính</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="491 427 940 492">Bài học đường đời đầu tiên</td><td data-bbox="940 427 1386 492"></td></tr> <tr> <td data-bbox="491 492 940 557">Giọt sương đêm</td><td data-bbox="940 492 1386 557"></td></tr> <tr> <td data-bbox="491 557 940 669">Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ</td><td data-bbox="940 557 1386 669"></td></tr> </tbody> </table>	Văn bản	Nội dung chính	Bài học đường đời đầu tiên		Giọt sương đêm		Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ	
	Văn bản	Nội dung chính							
	Bài học đường đời đầu tiên								
	Giọt sương đêm								
Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ									
Câu 2: Theo em, cách cảm nhận cuộc sống của các nhân vật trong ba văn bản trên có gì giống và khác nhau?									
Câu 3: Trong ba văn bản trên, văn bản nào thuộc thể loại truyện đồng thoại? Dựa vào đâu em cho là như vậy?									
Câu 4: Vẽ sơ đồ sau vào vở và điền những đặc điểm của kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân.									
									

	Câu 5: Em rút ra bài học kinh nghiệm gì về cách kể lại một trải nghiệm của bản thân? Câu 6: Qua những gì đã học trong bài này, em nghĩ gì về ý nghĩa của trải nghiệm đối với cuộc sống của chúng ta?
--	--

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

TRƯỜNG THCS CHI LĂNG

TỔ NGŨ VĂN

NỘI DUNG BÀI HỌC TRỰC TUYẾN

(Tuần 14 từ 6/12 đến 10/12)

KHỐI 6

LAO XAO NGÀY HÈ

I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHÚ THÍCH

1. Đọc

- Yêu cầu đọc: Giọng đọc chậm rãi, tâm tình, kể lại những kỉ niệm tuổi thơ ở quê hương.

2. Tìm hiểu chú thích

a. Tác giả - tác phẩm:

- Tác giả: Duy Khán (1934 - 1995) ở huyện Quốc Vĩ- bắc Ninh.

- Tác phẩm Lao xao trích từ tác phẩm Tuổi thơ im lặng của Duy Khán, tác phẩm được giải thưởng Hội nhà văn 1987

b. Giải nghĩa từ khó:

- Vung tứ linh: vung ra bốn phía

- Láu táu: cách nói nhanh, có khi lấp, có khi vấp vấp, không rõ tiếng.

II. TÌM HIỂU VĂN BẢN

1. Tìm hiểu chung về văn bản

- Thể loại: Kí - Hồi tưởng của bản thân tác giả.

- Bố cục: 2 đoạn

+ Đoạn1: Cảnh buổi sớm chớm hè ở làng quê.

+ Đoạn2: Thế giới các loài chim

→ Cách miêu tả của tác giả đi từ khái quát đến cụ thể - tả chọn lọc và cụ thể một vài loài chim tiêu biểu

2. Phân tích chi tiết

a. Cảnh buổi sớm chớm hè ở làng quê qua sự hồi tưởng của tác giả

- Đoạn văn ngắn gồm 10 câu: tác giả miêu tả cảnh khái quát buổi sớm chớm hè ở quê hương với hương thơm, màu sắc các loài hoa cùng với vẻ rộn rịp, xôn xao của bướm, ong.

- Tác giả miêu tả đặc điểm hoạt động của ong bướm. → Cách miêu tả tạo được bức tranh sinh động về sự sống của ong và bướm trong thiên nhiên

- Âm thanh Lao xao - Từ láy tượng hình → Đây là âm hưởng, nhịp điệu của đất trời, cỏ cây và cả cái lao xao của tâm hồn tác giả.

- Những câu văn ngắn, chỉ có một từ - dụng ý nói các loài chim sẽ được miêu tả qua cái nhìn và cảm nhận của trẻ thơ, vui vẻ, hồn nhiên, rất ngây thơ.

b. Những bức tranh và mẩu truyện về thế giới loài chim

- Miêu tả thế giới loài chim theo hai nhóm: chim hiền và chim ác.

- **b.1. Nhóm chim hiền:** (Hay còn gọi là chim mang vui đến cho mọi nhà)

- Chim sáo và tu hú

+ Chim sáo: Đậu cả trên lưng trâu mà hót; tọ toạ học nói; bay đi ăn, chiều lại về với chủ.

+ Chim tu hú: Báo mùa tu hú chín; đỗ trên ngọn tu hú mà kêu.

- Chúng được kể về đặc điểm hoạt động (hót, học nói, kêu mùa vải chín)
- Nghệ thuật được sử dụng: Nhân hoá (Chị Điệp, cậu Sáo, em Tu hú); Từ láy tượng thanh: các các, chéc chéc, bíp bíp, tu hú → Tạo nên cảnh vui vẻ, sinh động.
- Câu đồng dao (ca dao cho trẻ em) quen thuộc - phù hợp với tâm lí trẻ thơ.
- Gọi đó là loài chim hiền vì chúng thường xuyên mang niềm vui đến cho người nông dân, cho thiên nhiên, cho đất trời

- **b.2. Những loài chim ác, dữ:** Diều hâu, quạ, chèo bẻo, cắt... => Loài chim thường gặp ở nông thôn

- Hình dáng, lai lịch, hoạt động.

+ Diều hâu: Mũi khoằm, đánh ơi xác chết và gà con rất tinh. Nó lao như mũi tên xuống, tha được gà con, lao vút lên mây xanh, vừa lượn vừa ăn.

+ Quạ: Bắt gà con, ăn trộm trứng, ngó nghiêng ở chuồng lợn.

+ Chim cắt: Cánh nhọn như mũi dao bầu chọc tiết lợn; khi đánh nhau xía bằng cánh; vút đến vút biến như quỷ.

→ Cách gọi có kèm theo thái độ yêu ghét của dân gian, chỉ các loại động vật ăn thịt hung dữ.

- **b.3. Chim trĩ ác:** Loại chim dám đánh lại các loài chim ác, chim xấu (chèo bẻo).

- Hình dáng: như những mũi tên đen hình đuôi cá.

- Hoạt động:

+ Lao vào đánh điều hâu túi bụi khiến điều hâu phải nhả con mồi, hú vía.

+ Vây tứ phía đánh quạ. Có con quạ chết đến rũ xương.

+ Cả đàn vây vào đánh chim cắt để cứu bạn, khiến cắt rơi xuống ngắc ngoải.

→ Tác giả muốn thể hiện thiện cảm của mình đối với loại chim này; ca ngợi hành động dũng cảm của chèo bẻo.

- Chim cắt xỉa chết chèo bẻo - bị đàn chèo bẻo đánh tập kích con chim cắt khác, khiến cho nó ngắc ngoải rơi xuống...

III. TỔNG KẾT: Ghi nhớ: SGK - Tr113

- Hiểu biết thêm về một số loài chim ở làng quê nước ta. Qua đó thấy được sự quan tâm của con người với loài vật.

- Yêu quý các loài vật quanh ta, yêu làng quê, yêu DT.

- Nghệ thuật:

+ Quan sát tinh tường đối tượng miêu tả

+ Vốn sống rất cần khi miêu tả.

+ Miêu tả, kể chuyện cần được lồng trong cảm xúc.

THƯƠNG NHỚ BẦY ONG

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ										
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	<u>Yêu cầu cần đạt:</u> - Nhận biết được những đặc điểm của thể hồi kí - Hiểu được đặc tính của loài ong cũng như cảm nhận về thiên nhiên <u>Hoạt động:</u> - Em hãy đọc kỹ văn bản (SGK/117-118) và thực hiện yêu cầu bên dưới: + Em hãy tìm các hình ảnh, chi tiết, hoạt động của bầy ong và nhân vật tôi trong kí ức tuổi thơ, trong hiện tại và nhận xét sự thay đổi giữa hai thời điểm, trình bày như bảng sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Bầy ong trong kí ức tuổi thơ của nhân vật tôi</th><th>Bầy ong và nỗi buồn của nhân vật tôi trong hiện tại</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Những đờ ong: + ... → Nhận xét</td><td>Những đờ ong: + ... → Nhận xét</td></tr> <tr> <td>Nhân vật tôi: + ... → Nhận xét</td><td>Nhân vật tôi: + ... → Nhận xét</td></tr> </tbody> </table> Gợi ý: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Bầy ong trong kí ức tuổi thơ của nhân vật tôi</th><th>Bầy ong và nỗi buồn của nhân vật tôi trong hiện tại</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td> - Những đờ ong: + Ngày xưa, ông nuôi nhiều ong, đằng sau nhà có hai dãy tổ ong mật. + Ngày xưa, hai đờ ong “sây”. </td><td> - Những đờ ong: + Sau ngày ông chết, cha và chú còn nuôi một ít, nhưng không vượng như xưa. + Mấy lần ong “trại”: một phần đàn ong rời xa, bỏ tổ </td></tr> </tbody> </table>	Bầy ong trong kí ức tuổi thơ của nhân vật tôi	Bầy ong và nỗi buồn của nhân vật tôi trong hiện tại	Những đờ ong: + ... → Nhận xét	Những đờ ong: + ... → Nhận xét	Nhân vật tôi: + ... → Nhận xét	Nhân vật tôi: + ... → Nhận xét	Bầy ong trong kí ức tuổi thơ của nhân vật tôi	Bầy ong và nỗi buồn của nhân vật tôi trong hiện tại	- Những đờ ong: + Ngày xưa, ông nuôi nhiều ong, đằng sau nhà có hai dãy tổ ong mật. + Ngày xưa, hai đờ ong “sây”.	- Những đờ ong: + Sau ngày ông chết, cha và chú còn nuôi một ít, nhưng không vượng như xưa. + Mấy lần ong “trại”: một phần đàn ong rời xa, bỏ tổ
Bầy ong trong kí ức tuổi thơ của nhân vật tôi	Bầy ong và nỗi buồn của nhân vật tôi trong hiện tại										
Những đờ ong: + ... → Nhận xét	Những đờ ong: + ... → Nhận xét										
Nhân vật tôi: + ... → Nhận xét	Nhân vật tôi: + ... → Nhận xét										
Bầy ong trong kí ức tuổi thơ của nhân vật tôi	Bầy ong và nỗi buồn của nhân vật tôi trong hiện tại										
- Những đờ ong: + Ngày xưa, ông nuôi nhiều ong, đằng sau nhà có hai dãy tổ ong mật. + Ngày xưa, hai đờ ong “sây”.	- Những đờ ong: + Sau ngày ông chết, cha và chú còn nuôi một ít, nhưng không vượng như xưa. + Mấy lần ong “trại”: một phần đàn ong rời xa, bỏ tổ										

	+ Chiều lỡ buổi (khoảng 4 giờ chiều) thì ông bay ra họp đàn trước đó. → Nhiều, sung túc, sai trĩu	nhà, mang theo một ông chúa. + Thường thì chú biết được và hô lên cho cả xóm ném đất vụn lên để cả bầy ông mệt lử lại đậu vào cây nào đó hoặc về tổ. Ông đậu trên cây thì chú hay người khác trèo lên bắt mang về tổ cũ hoặc tổ mới. + Nhưng cũng có hôm lỡ vì chú phải ra đồng cày tra. + Có lần ông vù vù lên cao, bay mau và mắt hút trong chốc lát. → Ít, bay đi, rời đi.
	- Nhân vật tôi: + Hay ra xem ông họp đàn. + Nhiều khi bị ông đốt nhưng mê xem không thôi. → Vui vẻ, hứng khởi, mê mải.	- Nhân vật tôi: + Buồn lắm, cái buồn xa xôi vắng tanh của chiều quê, của không gian. + Những lúc cả nhà đi vắng thì còn buồn đến nỗi khóc một mình, nghe lòng bị ép lại, như trời hạ xuống. → So sánh. + Một lần ở nhà một mình, thấy ông trại mà không thể làm gì được. Chỉ nhìn theo, buồn không nói được. + Cái buồn của đứa trẻ rộng lớn đến bao nhiêu, các thi sĩ,

		văn nhân đã ai nói đến chưa? → Câu hỏi tu từ. + Nhìn trại ong đi, tưởng như một mảnh hồn tôi đã san đi nơi khác. Nơi xa xôi nào đó đã nhận một phần cốt tủy của linh hồn nhà tôi với bầy ong trại? → Câu hỏi tu từ. → Buồn bã, nỗi buồn không thôi, buồn đến phát khóc.
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	- Đọc văn bản “Thương nhớ bầy ong” có bạn khẳng định nhân vật “tôi” là tác giả Huy Cận, một số bạn khác lại không cho là vậy. Em hãy trình bày ý kiến cá nhân về nhận định trên.	

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

NỘI DUNG BÀI HỌC TRỰC TUYẾN

(Tuần 15 từ 13/12 đến 17/12)

KHỐI 6

TRI THỨC TIẾNG VIỆT

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

HOÁN DỤ, ẨN DỤ

I. ẨN DỤ

1. Khái niệm

- Ẩn dụ: là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

2. Ví dụ

*“Lần này nó chưa kịp ăn, **những mũi tên đen**, mang hình đuôi cá từ đâu bay tới tấp. Ấy là những con chèo bẻo”.*

- **Hình ảnh ẩn dụ: những mũi tên đen** → chỉ những con chim chèo bẻo

⇒ Ẩn dụ này dựa trên sự giống nhau về hình dáng, màu sắc, tốc độ bay... của bầy chim chèo bẻo với mũi tên được bắn ra từ dây cung.

II. HOÁN DỤ

1. Khái niệm

- Hoán dụ: là gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

2. Ví dụ

a. Cả nhà ăn **cơm** trong hương **lúa** đầu mùa...

- **Hình ảnh hoán dụ: cơm – lúa** → mối quan hệ gần gũi với nhau. Cách nói như vậy nhằm tăng sức gợi hình và gợi cảm cho sự diễn đạt.

⇒ Hoán dụ bằng cách lấy vật chứa để gọi vật được chứa.

b. Kháng chiến ba ngàn ngày không ngủ. / **Bắp chân, đầu gối** vẫn săn gân.

- **Hình ảnh hoán dụ: bắp chân, đầu gối** – cơ thể con người => mối quan hệ gần gũi với nhau. Cách nói như vậy nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

⇒ Hoán dụ bằng cách lấy bộ phận để gọi toàn thể

III. THỰC HÀNH

Hoàn thành bài tập 1,2,3,4,5,6,7/SGK/121

MỘT NĂM Ở TIỂU HỌC

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<u>Yêu cầu cần đạt:</u> - Nhận biết được ngôi kể, cách kể trong hồi ký - Phân tích được diễn biến sự việc - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản <u>Hoạt động:</u> - Em hãy đọc kỹ văn bản (SGK/122-123) và thực hiện yêu cầu bên dưới: ▪ Tìm hiểu hình ảnh người mẹ trong hồi ức + Tìm những chi tiết miêu tả người mẹ trong hồi ức của tác giả? + Nhận xét về cách dùng từ của tác giả? + Em thấy người mẹ trong tác phẩm như thế nào? ▪ Những kỉ niệm một năm ở Tiểu học + Tìm những chi tiết kể về việc làm của nhân vật tôi vào mỗi tối? + Ngày nghỉ nhân vật tôi làm gì? + Tìm chi tiết kể về việc làm của nhân vật tôi vào mùa đông? + Em có nhận xét gì về cách kể, hình thức kể của tác giả? ▪ Những suy ngẫm của hiện tại

	+ Nhân vật tôi có suy ngẫm như thế nào khi nghĩ về những kỉ niệm 1 năm ở Tiểu học?
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	- Viết đoạn văn ngắn khoảng 150 chữ kể lại kỉ niệm của em khi còn học ở trường Tiểu học

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<u>Yêu cầu cần đạt:</u> - Xác định được đề tài, tìm ý, lập dàn ý, viết bài - Nắm được cách viết bài văn tả cảnh sinh hoạt. <u>Hoạt động:</u> Đề tài: Tả cảnh sinh hoạt mà em có dịp quan sát hoặc tham dự • Gợi ý: - Trong cuộc sống hàng ngày có rất nhiều cảnh sinh hoạt thú vị đang diễn ra với bao nhiêu khoảnh khắc đáng nhớ. Để có thể chia sẻ với bạn bè, người thân những khoảnh khắc ấy, ta có thể ghi lại bằng lời văn tả cảnh sinh hoạt. - Vậy em hiểu thế nào là văn tả cảnh sinh hoạt? - Khi tả cảnh sinh hoạt ta cần chú ý những đặc điểm gì? - Đề tài em muốn viết là gì? Em cần chuẩn bị những gì trước khi viết. • Dàn ý: a. Mở bài: - Giới thiệu cảnh sinh hoạt mà em muốn viết b. Thân bài: - Tả bao quát về cảnh sinh hoạt... - Tả chi tiết về cảnh sinh hoạt...

	- Tả không gian, thời gian của cảnh sinh hoạt, tình cảm và cảm xúc của mỗi người. c. Kết bài: - Khẳng định lại tình cảm, cảm xúc của em
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	- Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt mà em có dịp quan sát hoặc tham dự.

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

TRƯỜNG THCS CHI LĂNG

TỔ NGŨ VĂN

NỘI DUNG BÀI HỌC TRỰC TUYẾN

(Tuần 16 từ 20/12 đến 24/12)

KHỐI 6

ĐÁNH THỨC TRẦU

I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN

HS biết *cách đọc diễn cảm, ngắt nhịp*.

II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI

1. Lời hát của bà

- Cách xưng hô:

+ Xưng hô: tao – mày, gọi "Trầu trầu trầu trầu"

+ Nhân hóa.

➔ Gọi ra sự thân mật.

- Mối quan hệ với thiên nhiên:

+ “Mày làm chúa tao/ Tao làm chúa mày”.

+ Điệp từ “làm chúa”

➔ Trạng thái cân bằng, không tự coi mình là chúa tể làm chủ thiên nhiên mà coi thiên nhiên như người bạn.

- Cách hái trầu:

+ “Tao không hái ngày/ Thì tao hái đêm”

+ Điệp từ “hái”, tiểu đối đêm - ngày.

→ Kinh nghiệm dân gian, hái trầu phải hái ban đêm.

➔ Sự gắn bó với ruộng nương, nâng niu cây cối của bà- người dân quê

2. Lời gọi trầu của cậu bé

- Cách cảm nhận về các giác quan của trầu:

+ Thính giác, thị giác, cảm giác

+ Nhân hóa

➔ Trầu có đủ giác quan và cuộc sống như con người.

- Cách xưng hô:

+ Xưng hô: tao - mày

+ Nhân hóa.

➔ Thân mật, gần gũi.

- Cách hái trầu:

+ “*Đã ngủ rồi hả trầu? /Đã dậy chưa hả trầu?*”; “*Lá nào muốn cho tao/ Thì mày chìa ra nhé*”; “*Tay tao hái rất nhẹ/ Không làm mày đau đâu...*”.

+ Nhân hóa, điệp từ, câu cảm thán kết hợp từ ngữ hô gọi ới, hãy... như lời tâm sự, tâm tình.

➔ Gọi trầu dậy nhẹ nhàng, trân trọng; hỏi ý kiến, tôn trọng; nâng niu, bảo vệ trầu.

- Mong muốn của cậu bé: “*Đừng lụi đi trầu ới*”

➔ Mong cây trầu mãi tốt tươi.

➔ Cậu bé là người yêu thương, quý trọng, nâng niu cây cối; coi cây cối như một người bạn thân.

III. TỔNG KẾT

1. Nội dung

Qua bài thơ Đánh thức trầu, Trần Đăng Khoa đã khắc họa cảnh em bé trò chuyện với trầu như một người bạn, mong được hái trầu cho bà và mẹ cũng như mong trầu sống mãi. Qua đó thể hiện tình yêu bà, yêu mẹ và yêu thiên nhiên, trân trọng thiên nhiên.

2. Nghệ thuật

Thể thơ 5 chữ kết hợp với các biện pháp tu từ: nhân hóa (trầu), câu hỏi tu từ, điệp từ, ...

ÔN TẬP

1. Bài tập 1. Các văn bản *Lao xao ngày hè*, *Thương nhớ bầy ong*, *Một năm ở tiểu học* là các văn bản hồi kí. Dựa vào đặc điểm của thể loại đề khẳng định như vậy:

- Văn bản kể lại chuỗi sự việc mà tác giả là người kể.
- Truyện là những sự việc có thật diễn ra tại quá khứ gần với quãng đường thơ ấu của tác giả.
- Nhân vật xưng “tôi”, người kể chuyện ngôi thứ nhất, là hình ảnh của tác giả trong tác phẩm và là hình bóng của tác giả ngoài đời.
- Văn bản có sự kết hợp giữa kể chuyện với miêu tả và biểu cảm.

2. Bài tập 3. Khi viết một bài văn tả cảnh sinh hoạt, cần lưu ý đến:

- Để tả cảnh sinh hoạt cần quan sát và dùng lời văn gợi tả, làm sống lại bức tranh sinh hoạt, giúp người đọc hình dung được rõ nét về không khí, đặc điểm nổi bật của cảnh.
- Cần giới thiệu được cảnh sinh hoạt, thời gian, địa điểm diễn ra cảnh sinh hoạt.
- Tả lại cảnh sinh hoạt theo trình tự hợp lí.
- Thể hiện được hoạt động của con người trong thời gian, không gian cụ thể.
- Gợi được quang cảnh, không khí chung, những hình ảnh tiêu biểu của bức tranh sinh hoạt.
- Sử dụng từ ngữ phù hợp, nêu được cảm nhận của người viết về cảnh được miêu tả.
- Đảm bảo cấu trúc bài văn ba phần.

3. Bài tập 4. Những lưu ý khi chuẩn bị và trình bày bài nói về cảnh sinh hoạt mà mình quan sát:

- Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.
- Tìm ý, lập dàn ý.

- Luyện tập và trình bày.
- Trao đổi và đánh giá.

4. Bài tập 5. Gợi ý tham khảo: có thể trình bày theo dàn ý

- + Mở bài: Giới thiệu mùa khiến em yêu thích nhất trong năm là mùa xuân
- + Thân bài:
 - Mùa xuân có thời tiết ấm áp, dễ chịu
 - Trong tiết trời xuân, mưa phùn lất phất bay, tưới mát cho muôn loài, mang lại nguồn sống cho cỏ cây hoa lá.
 - Những mầm non e ấp trên những cành cây khẳng khiu, bừng tỉnh sau một giấc ngủ đông dài.
 - Trăm loài hoa đua nhau khoe sắc, rực rỡ chào đón xuân về.
- + Kết bài: Em rất yêu thích mùa xuân, mang lại cho con người những niềm vui và hi vọng về một năm với nhiều khởi đầu tốt đẹp.

5. Bài tập 6. Thiên nhiên là những điều bí ẩn, mỗi loài đều có đời sống và tiếng nói riêng. Qua đó, thiên nhiên muốn con người cùng lắng nghe, trò chuyện, tâm tình như những người bạn, cùng trân trọng và yêu mến cuộc sống.

NÓI – NGHE

TRÌNH BÀY VỀ MỘT CẢNH SINH HOẠT

(Hướng dẫn học sinh tự học)

C. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ						
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<u>Yêu cầu cần đạt:</u> - Trình bày được về một cảnh sinh hoạt - Hình thức, bố cục đúng <u>Hoạt động:</u> Thực hành nói và nghe - HS tiến hành các bước sau: + Bước 1: <i>Đề tài của em là gì? Em dự định sẽ nói ở đâu và trong thời gian bao lâu? Người nghe là ai? Mục đích nói là gì?</i> + Bước 2: <i>Em hãy lập dàn ý của bài nói trên cơ sở của bài viết?</i> + Bước 3: <i>Khi luyện tập, trình bày, cần lưu ý những gì?</i> + Bước 4: <i>Dùng bảng kiểm để góp ý cho bạn và đánh giá bài của mình.</i> Bảng kiểm kĩ năng kể lại một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 80%;">Nội dung kiểm tra</th><th style="width: 20%;">Đạt/ Chưa đạt</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Người nói trình bày đủ các phần mở đầu, nội dung chính và kết thúc</td><td></td></tr> <tr> <td>Cảnh được tả bao quát</td><td></td></tr> </tbody> </table>	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt	Người nói trình bày đủ các phần mở đầu, nội dung chính và kết thúc		Cảnh được tả bao quát	
Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt						
Người nói trình bày đủ các phần mở đầu, nội dung chính và kết thúc							
Cảnh được tả bao quát							

	Cảnh được tả cụ thể	
	Sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu phù hợp	
	Chủ động, tự tin khi nói	
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	- Viết bài văn (khoảng 400 chữ) trình bày cảnh sinh hoạt của gia đình em vào mỗi buổi sáng - Sau đó, hãy luyện trình bày bài viết đã chuẩn bị - Quay lại đoạn videoclip bản thân đã thực hiện và đăng lên diễn đàn chung của lớp (có thể chèn nhạc, kết hợp hình ảnh phù hợp,...)	

D. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

ÔN TẬP

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ									
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<u>Yêu cầu cần đạt:</u> - Củng cố các kiến thức đã học <u>Hoạt động:</u> - HS thực hiện các bài tập 1,2,3,6,7,8,9,12,13,14,15,16/ SGK/131-135 Bài tập 1. Nêu những điểm giống và khác nhau giữa truyền thuyết và truyện cổ tích theo gợi ý dưới đây (làm vào vở): <table><tr><th>Đặc điểm</th><th>Truyền thuyết</th><th>Cổ tích</th></tr><tr><th>Giống nhau</th><td colspan="2"></td></tr><tr><th>Khác nhau</th><td></td><td></td></tr></table> Bài tập 2. Dựa vào đặc điểm của thể thơ lục bát (thanh điệu, cách hiệp vần), hãy sắp xếp các tiếng trong, không, về vào chỗ trống trong câu ca dao: <i>Cần Thơ gạo trắng nước ...</i> <i>Ai đi đến đó lòng ... muốn ...</i> <i>(Ca dao)</i> Bài tập 3. Truyện đồng thoại có những đặc điểm gì? Bài tập 6. Ghép những thông tin về yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt (cột A) với tác dụng của nó (cột B):	Đặc điểm	Truyền thuyết	Cổ tích	Giống nhau			Khác nhau		
Đặc điểm	Truyền thuyết	Cổ tích								
Giống nhau										
Khác nhau										

	A Yêu cầu đối với kiểu bài	B Tác dụng
	1. Giới thiệu thời gian và địa điểm diễn ra cảnh sinh hoạt.	a. giúp cho cảnh sinh hoạt trở nên xác định hơn.
	2. Tả lại cảnh sinh hoạt theo trình tự hợp lí (từ xa đến gần, từ bao quát đến cụ thể).	b. giúp bài viết gợi được sự đồng cảm của người đọc.
	3. Thể hiện hoạt động của con người trong không gian, thời gian cụ thể.	c. giúp người đọc hình dung rõ ràng, cụ thể hơn về hoạt động.
	4. Gợi tả quang cảnh, không khí chung và những chi tiết tiêu biểu của bức tranh sinh hoạt.	d. giúp người đọc dễ dàng theo dõi hoạt động được miêu tả.
	5. Sử dụng phù hợp các từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất, sinh hoạt.	đ. giúp người đọc hình dung được quang cảnh chung và điểm nổi bật của cảnh.
	6. Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của người viết.	e. giúp người đọc có cái nhìn vừa bao quát vừa cụ thể về cảnh được tả.
Bài tập 7. Trong bảng sau những đặc điểm nào thuộc về nội dung, đặc điểm nào thuộc về hình thức của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát (kẻ vào vở):		

	Đặc điểm	Nội dung	Hình thức
	Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.		
	Đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành, được đánh dấu từ chỗ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.		
	Có một câu chủ đề (ở đầu hoặc cuối đoạn) nêu nội dung khái quát toàn đoạn.		
	Mở đoạn: giới thiệu chung về bài thơ (nhân đề, tác giả, chủ đề, cảm xúc chung).		
	Thân đoạn: trình bày trọn vẹn về cảm xúc của người viết về nội dung, nghệ thuật bài thơ và nêu dẫn chứng cụ thể.		
	Kết đoạn: khẳng định lại cảm xúc về ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.		
	Bài tập 8: So sánh điểm giống và khác nhau giữa kiểu bài kể lại một truyện cổ tích với kiểu bài kể lại trải nghiệm của bản thân Bài tập 9. Vì sao trước khi nói hoặc trình bày một vấn đề, ta cần trả lời những câu hỏi sau:		

- Người nghe là ai?
- Mục đích nói là gì?
- Nội dung nói là gì?
- Thời gian nói bao lâu?
- Vấn đề sẽ được trình bày ở đâu?

Bài tập 12. Các thành phần chính trong câu thường được mở rộng bằng cách nào? Hiệu quả của việc mở rộng ấy là gì? Mở rộng các câu sau và cho biết cách thức mở rộng:

- a. Trời mưa.
- b. Gió thổi.
- c. Nó đang đọc sách.
- d. Xuân về

Bài tập 13. Đề lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản, người viết (nói) cần thực hiện những thao tác gì? Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong những câu sau và giải thích lí do lựa chọn:

- a. Các đội thổi cơm đan xen nhau uốn lượn trên sân đình trong sự cổ vũ... (nồng nhiệt/ nhiệt tình) của người xem.
- b. Nhút nhát là... (nhược điểm/ khuyết điểm vốn có của cậu ấy).
- c. Ông ấy đang miệt mài... (nặn/ tạc/ khắc) một pho tượng bằng đá.

Bài tập 14: So sánh điểm giống và khác nhau của ẩn dụ và hoán dụ

Bài tập 15: Xác định ẩn dụ và hoán dụ trong những ví dụ sau:

- a. *Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi*
Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.

	(Nguyễn Khoa Điềm, <i>Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ</i>, in trong <i>Thơ Nguyễn Khoa Điềm</i>, tuyển thơ 40 năm do tác giả tuyển chọn, NXB Văn học, 2012) b. <i>Dưới trăng quỳên đã gọi hè</i> <i>Đầu tường lửa lựu lập loè đơm bông.</i> (Nguyễn Du, <i>Truyện Kiều</i>, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1983) c. <i>Nhớ đôi dép cũ nặng công ơn</i> <i>Yêu Bác lòng ta trong sáng hơn.</i> (Tố Hữu, <i>Bác ơi!</i>, <i>Ngữ văn 12, tập một</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012) Bài tập 16. Tìm trạng ngữ trong đoạn văn sau và chỉ ra chức năng của chúng: Vào thời giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam, chúng coi dân ta như cỏ rác, làm nhiều điều bạo ngược, thiên hạ căm giận chúng đến tận xương tủy. Bấy giờ, ở vùng Lam Sơn, nghĩa quân đã nổi dậy chống lại chúng, nhưng buổi đầu thế lực còn non yếu nên nhiều lần nghĩa quân bị thua. Thấy vậy, đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn thanh gươm thần để giết giặc. (Theo Nguyễn Đông Chi, <i>Sự tích Hồ Gươm</i>)										
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	- Hoàn thiện bảng sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Biện pháp tu từ</th><th>Khái niệm, tác dụng</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nhân hóa</td><td></td></tr> <tr> <td>So sánh</td><td></td></tr> <tr> <td>Ẩn dụ</td><td></td></tr> <tr> <td>Hoán dụ</td><td></td></tr> </tbody> </table> - Hoàn thiện bảng sau:	Biện pháp tu từ	Khái niệm, tác dụng	Nhân hóa		So sánh		Ẩn dụ		Hoán dụ	
Biện pháp tu từ	Khái niệm, tác dụng										
Nhân hóa											
So sánh											
Ẩn dụ											
Hoán dụ											

	Cụm từ	Đặc điểm
	Cụm danh từ	
	Cụm động từ	
	Cụm tính từ	
- Hãy tả lại một cảnh sinh hoạt mà em có dịp quan sát hoặc tham quan (bài văn ngắn khoảng 400 chữ)		

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	